



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

29.12.2025

MARKET INSIGHTS REPORT

NGÀNH NĂNG LƯỢNG LÊN NGÔI

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	374
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	189
Số cổ phiếu giảm giá	126
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	59

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	199
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	76
Số cổ phiếu giảm giá	55
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	68

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	355
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	178
Số cổ phiếu giảm giá	96
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	81

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	67,557.62	65,849.03	1,708.59
% KL toàn thị trường	9.92%	9.67%	
Giá trị	2,487,256	2,610,334	(123,078)
% GT toàn thị trường	11.22%	11.78%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	2,467.54	2,268.20	199.34
% KL toàn thị trường	9.92%	9.67%	
Giá trị	58,907	62,134	(3,226)
% GT toàn thị trường	4.53%	4.78%	

UPCOM

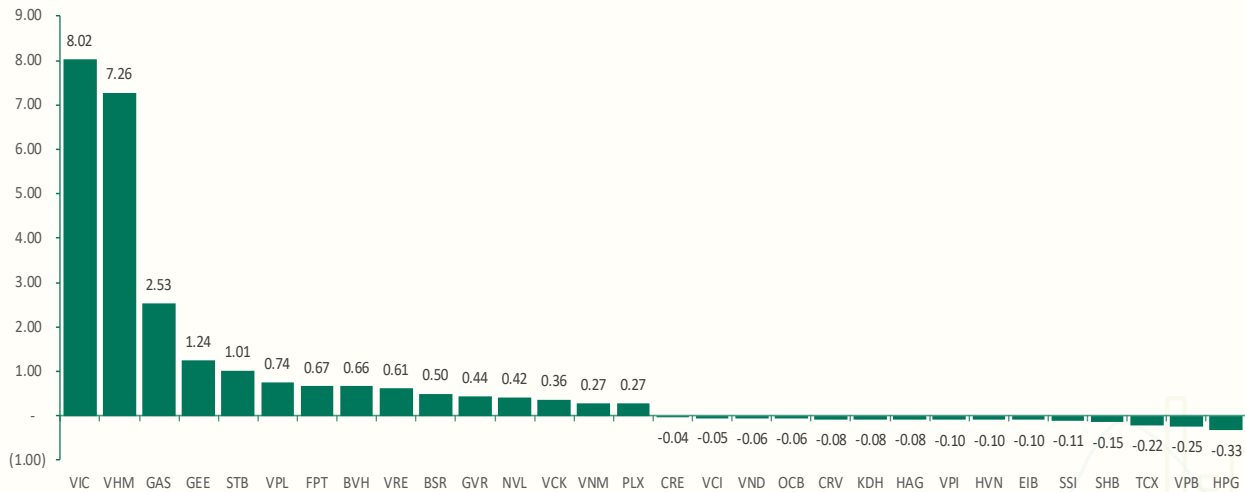
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	246.61	699.78	(453.17)
% KL toàn thị trường	0.55%	1.55%	
Giá trị	11,144	29,149	(18,005)
% GT toàn thị trường	1.81%	4.74%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	6,667,000	159,700	4,700 (3.03%)	68.39	3.83	2,335	1,235,039
2	VHM	7,324,300	117,700	7,700 (7%)	18.80	2.06	6,259	483,442
3	VCB	2,099,700	57,100	0 (0%)	11.40	2.14	5,008	477,109
4	BID	1,644,300	38,800	0 (0%)	9.97	1.62	3,890	272,429
5	TCB	6,596,700	34,050	150 (0.44%)	10.94	1.34	3,113	241,286
6	MCH	643,900	220,100	100 (0.05%)	27.97	13.95	7,870	232,581
7	VPB	20,347,900	28,000	-150 (-0.53%)	10.76	1.39	2,603	222,150
8	HPG	16,525,200	26,700	-200 (-0.74%)	12.38	1.61	2,157	204,935
9	MBB	11,448,200	24,850	0 (0%)	6.13	1.50	4,051	200,167
10	CTG	7,192,400	35,300	100 (0.28%)	5.69	1.12	6,207	189,561

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (Đ)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	+1.34%	+55.79%	1,595
▼ Tài chính	+0.25%	+24.80%	107
> Tổ chức tín dụng	+0.22%	+24.60%	29
> Dịch vụ tài chính	-0.24%	+30.07%	66
> Bảo hiểm	+4.23%	+32.07%	13
► Bất động sản	+3.40%	+175.67%	133
▼ Công nghiệp	+0.57%	+26.60%	386
> Vận tải	-0.29%	+15.05%	117
> Hàng hóa công nghiệp	+2.08%	+50.53%	227
> Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	+1.10%	+42.14%	54
▼ Tiêu dùng thiết yếu	+0.53%	+14.83%	166
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	+0.49%	+14.87%	155
> Thương mại hàng thiết yếu	+3.94%	0%	9
> Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	+0.03%	+3.31%	4
► Nguyên vật liệu	+0.61%	+7.14%	283
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	+0.85%	+33.81%	165
> Thương mại hàng không thiết yếu	+0.25%	+26.89%	65
> Dịch vụ tiêu dùng	+1.98%	+19.66%	36
> Thời trang và hàng lâu bền	+0.67%	+58.74%	71
> Xe và linh kiện	+0.67%	-1.10%	13
► Tiện ích	+2.81%	+12.01%	153
▼ Dịch vụ truyền thông	+0.99%	-31.41%	41
> Dịch vụ viễn thông	+1.13%	-33.11%	18
> Truyền thông và giải trí	-1.13%	+4.78%	23
► Năng lượng	+2.87%	+5.19%	53
▼ Công nghệ thông tin	+1.91%	-26.14%	18
> Phần mềm và dịch vụ	+1.90%	-27.11%	9
> Phần cứng và thiết bị	+2.70%	+120.67%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	-0.47%	+8.29%	58
> Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	-0.13%	+13.53%	47
> Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-4.05%	-39.45%	11

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 25.04 điểm (+ 1.45%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Bảo hiểm, bất động sản, năng lượng, tiện ích, hàng hóa công nghiệp, phần mềm và dịch vụ, dịch vụ viễn thông, xe và linh kiện, nguyên vật liệu, tổ chức tín dụng... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như BVH, PVI, MIG, VIC, VHM, VPL, VRE, NVL, KBC, SIP, IDC, PDR, HDC, BSR, PLX, PVD, PVS, GAS, POW, HDG, BWE, GEE, GEX, PC1, VGC, FPT, CMG, VGI, FOX, CTR, DRC, SRC, GVR, MSR, DCM, DPM, DDV, DPM, HSG, TCB, CTG, LPB, STB ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) GAS tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra và giá bám biên dải băng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ GAS đang thiết lập sóng 5 tăng giá với mục tiêu 71 – 78;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(ii) VHM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên đang mở ra hỗ trợ giá lên;
- ✓ VHM đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 145 – 178;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(iii) PVS tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ PVS thiết lập mốc cao mới trong 3 tháng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Dải băng trên mở ra và giá bám biên dải băng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá đang hình thành sóng 5 tăng giá dài hạn với mục tiêu 40 – 47;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(iv) POW tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra và giá bám biên dải băng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ POW đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 16;

- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(v) STB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ STB đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 65 – 71;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

(2) Dịch vụ tài chính, vận tải, truyền thông và giải trí...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như TCX, SSI, VPX, VND, VCI, HCM, SHS, ACV, HVN, VNZ, YEG ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VND giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá vượt lên trên đường trung bình động MA(50) và hiện đường này đang đóng vai trò hỗ trợ cho VND;
- ✓ VND đang quay trở lại xu hướng tăng giá trung hạn và mục tiêu quanh vùng giá 25 -30;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(ii) ACV giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng dưới mở ra và giá bám biên dải băng dưới – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ ACV đang trong sóng 5 giảm giá với mục tiêu 40;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

(iii) HVN giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ HVN đang trong sóng 5 giảm giá với mục tiêu 19;
- ✓ Kháng cự khi có sóng hồi là 28;
- ✓ Giá giảm theo thân nến nhỏ và bám biên dưới – Đây là mẫu hình rất tiêu cực;
- ✓ Tuy nhiên, cổ phiếu đang trong vùng quá bán và có phân kỳ dương nên có khả năng xuất hiện nhịp hồi;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Chỉ số VIN – Index và thị trường thiếu độ rộng

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Closing Marubozu”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 108 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FPT, STB, VJC, GEX, GAS, HPG, GMD, NVL, VCK, POW ... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: BWE, VIC, VHM, HDB, VCB, MCH, DGC, MWG, BAF, ACV...Hôm nay, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài và cá nhân nước ngoài là nhóm mua ròng còn cá nhân trong nước và tự doanh là nhóm bán ròng.

(ii) VN-Index hồi phục sau 2 phiên giảm và vẫn điểm số vẫn chủ yếu do đóng góp kéo tăng giảm của cổ phiếu nhà VINCOM (VRE, VHM, VIC)...Hiện nay, chỉ số dường như là VIN-Index bởi độ rộng thị trường chưa thực sự có sự lan tỏa. Về cơ bản chúng tôi thấy dòng tiền không có sự ổn định với các mã ngành khác dù thịnh thoái cũng tạo được một vài dấu ấn. Có vẻ giai đoạn hiện nay giống 2024 khi chỉ số khó giảm sâu xuống dưới 1,600 điểm nhưng gặp rất nhiều khó khăn khi cố gắng bứt phá 1,800 điểm. Còn 2 phiên để kết thúc năm 2025 thì chúng ta cũng khó kỳ vọng bất kỳ sự đột phá nào. Về cơ bản trước mắt chúng ta kỳ vọng dòng tiền mới có thể xuất hiện vào đầu năm 2026 nếu khối ngoại quay trở lại cho chu kỳ mới (Thường trong những giai đoạn mua ròng thì khối ngoại thường bắt đầu từ đầu từ đầu tháng 1). Do vậy, đây là giai đoạn quan sát dòng tiền và độ rộng nhiều hơn. Chiến thuật giao dịch thích hợp là mua cận dưới, bán khi có lời dù tỷ lệ sinh lời ít sẽ có hiệu quả hơn là nắm giữ lâu dài.

Các cổ phiếu có lệnh mua/bán lớn: VPB, HPG, SHB, BSR....

Các cổ phiếu mua tích lũy: VGC, VHC, TCM, SZC, SSB, SIP, PAN, MCH, GVR, DPM, DPR...

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 09 mã cho tín hiệu mua, 09 mã cho tín hiệu bán, 12 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã MWG, MSN, VIC, BVH, CTG, HPG, GAS, STB, PLX...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 50% và 53% giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch không rõ tăng hay giảm điểm với giá đóng thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 3. Hỗ trợ và kháng cự là 1,650 - 1,800 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu MWG



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	545.58	545.2	545.96	YES	548.82	551.29	554.53	557	543.11	539.87	537.4	534.16
HNINDEX	251.18	251.17	251.2	YES	251.81	252.39	253.02	253.6	250.6	249.97	249.39	248.76
UPINDEX	120.06	119.99	120.14	YES	120.75	121.28	121.97	122.5	119.53	118.84	118.31	117.62
VN30	1983.08	1979.3	1986.87	NO	1999.61	2008.55	2025.08	2034.02	1974.14	1957.61	1948.67	1932.14
VNINDEX	1747.1	1743.23	1750.97	NO	1762.58	1770.31	1785.79	1793.52	1739.37	1723.89	1716.16	1700.68
VNXALL	2925.33	2919.75	2930.91	NO	2947.65	2958.82	2981.14	2992.31	2914.16	2891.84	2880.67	2858.35
VN30FIM	1985.07	1982.5	1987.63	NO	2009.13	2028.07	2052.13	2071.07	1966.13	1942.07	1923.13	1899.07
VN30FIQ	1977.33	1975.3	1979.37	NO	1996.67	2011.93	2031.27	2046.53	1962.07	1942.73	1927.47	1908.13
VN30F2M	1982.2	1980.5	1983.9	YES	2003.4	2021.2	2042.4	2060.2	1964.4	1943.2	1925.4	1904.2
VN30F2Q	1971.3	1967.6	1975	NO	1992.6	2006.5	2027.8	2041.7	1957.4	1936.1	1922.2	1900.9
BCM	61	61.25	60.75	NO	63.2	65.9	68.1	70.8	58.3	56.1	53.4	51.2
ACB	23.97	23.95	23.98	YES	24.13	24.27	24.43	24.57	23.83	23.67	23.53	23.37
BID	38.77	38.75	38.78	YES	38.93	39.07	39.23	39.37	38.63	38.47	38.33	38.17
BVH	58.37	57.65	59.08	NO	61.23	62.67	65.53	66.97	56.93	54.07	52.63	49.77
CTG	35.18	35.13	35.24	NO	35.47	35.63	35.92	36.08	35.02	34.73	34.57	34.28
FPT	93.9	93.7	94.1	NO	95.3	96.3	97.7	98.7	92.9	91.5	90.5	89.1
GAS	73.57	72.8	74.33	NO	76.93	78.77	82.13	83.97	71.73	68.37	66.53	63.17
GVR	25.93	25.9	25.97	NO	26.27	26.53	26.87	27.13	25.67	25.33	25.07	24.73
HDB	27.48	27.42	27.54	NO	27.82	28.03	28.37	28.58	27.27	26.93	26.72	26.38
HPG	26.78	26.83	26.74	NO	26.92	27.13	27.27	27.48	26.57	26.43	26.22	26.08
LPB	41.8	41.8	41.8	YES	42.15	42.5	42.85	43.2	41.45	41.1	40.75	40.4
MBB	24.85	24.85	24.85	YES	25	25.15	25.3	25.45	24.7	24.55	24.4	24.25
MSN	75.2	75.05	75.35	NO	75.8	76.1	76.7	77	74.9	74.3	74	73.4
MWG	86.97	86.9	87.03	YES	87.83	88.57	89.43	90.17	86.23	85.37	84.63	83.77
PLX	36.37	36.3	36.43	NO	37.13	37.77	38.53	39.17	35.73	34.97	34.33	33.57
SAB	48.88	48.92	48.84	YES	49.17	49.53	49.82	50.18	48.52	48.23	47.87	47.58
SSB	17.23	17.2	17.27	NO	17.37	17.43	17.57	17.63	17.17	17.03	16.97	16.83
SHB	16.25	16.28	16.23	NO	16.3	16.4	16.45	16.55	16.15	16.1	16	15.95
SSI	30.62	30.67	30.56	NO	30.83	31.17	31.38	31.72	30.28	30.07	29.73	29.52
TCB	34.1	34.13	34.08	YES	34.4	34.75	35.05	35.4	33.75	33.45	33.1	32.8
STB	59.47	59.25	59.68	NO	60.83	61.77	63.13	64.07	58.53	57.17	56.23	54.87
TPB	16.98	17.02	16.94	NO	17.07	17.23	17.32	17.48	16.82	16.73	16.57	16.48
VCB	57.23	57.3	57.17	NO	57.37	57.63	57.77	58.03	56.97	56.83	56.57	56.43
VHM	115.47	114.35	116.58	NO	119.93	122.17	126.63	128.87	113.23	108.77	106.53	102.07
VIB	17.63	17.65	17.62	YES	17.72	17.83	17.92	18.03	17.52	17.43	17.32	17.23
VJC	208.7	208.95	208.45	NO	210.7	213.2	215.2	217.7	206.2	204.2	201.7	199.7
VIC	158.2	157.45	158.95	NO	161.4	163.1	166.3	168	156.5	153.3	151.6	148.4
VPB	28.03	28.05	28.02	YES	28.27	28.53	28.77	29.03	27.77	27.53	27.27	27.03
VNM	61.9	61.8	62	NO	62.4	62.7	63.2	63.5	61.6	61.1	60.8	60.3
VRE	32.82	32.63	33.01	NO	34.33	35.47	36.98	38.12	31.68	30.17	29.03	27.52

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
STB	22,403,400	10,252,480	219	4.17
NVL	15,253,500	6,791,790	225	6.79
POW	14,981,100	6,696,050	224	1.56
PVS	11,628,200	5,341,250	217.71	4.15
GAS	5,613,700	1,373,960	409	6.52
PLX	5,305,400	1,737,570	305	2.67
PC1	5,089,400	2,518,150	202.11	3.91
OIL	4,815,600	911,490	528	2.8
PVC	3,562,100	688,050	518	7.34
BVH	1,306,800	467,980	279.24	6.98
ONE	836,500	52,590	1,591	9.86
CIG	836,100	189,670	441	-0.57
PVB	822,800	286,080	288	9.81
AGG	732,000	344,880	212	2.77
DRI	659,400	287,560	229.31	4.03
MCH	643,900	305,320	211	0.05
VAB	636,900	305,990	208	-0.47
TPC	570,000	171,350	333	-0.74
MIG	546,200	94,490	578	3.93
SGR	523,300	168,980	309.68	6.86
DDB	520,000	239,290	217	0
TCI	458,000	168,540	272	1.41
PV2	388,500	86,030	452	0
AFX	355,200	141,450	251	-2.06
BIC	330,100	130,670	252.62	4.91
HLD	323,100	35,750	904	9.86
HGT	300,000	-	1.#J	-13.57
VGR	222,300	48,430	459	5.8
KSQ	219,000	27,130	807	11.11
ST8	185,400	92,090	201	-5.87
PXL	184,500	90,250	204	3.25
CMX	176,400	79,480	222	-0.47
PFL	171,800	80,010	215	0
KDM	161,400	73,720	219	-8.15
QNS	159,300	59,890	266	1.77
BFC	140,500	57,540	244	0.59
TOS	139,400	57,080	244	1
GSP	136,200	49,470	275	-0.95
IVS	133,600	58,890	227	1.14
PSB	126,000	19,620	642	6.52

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: STB, NVL...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
29-Dec	SHB	Mua	≤ 36	10% -20%	Nên mua khi điều chỉnh/ Sóng 5 tăng giá đang hình thành

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 01 CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Thị trường ngoại tệ: Trong tuần từ 22/12 - 26/12, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh theo xu hướng giảm. Chốt ngày 26/12, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 25.128 VND/USD, giảm 20 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. NHNN niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.922 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết mức ở mức 26.334 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Tỷ giá LNH trong tuần từ 22/12 - 26/12 giảm ở hầu hết các phiên. Kết thúc phiên 26/12, tỷ giá LNH đóng cửa tại 26.292 VND/USD, giảm 28 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Tỷ giá trên thị trường tự do tuần qua biến động mạnh trái chiều qua các phiên. Chốt phiên 26/12, tỷ giá tự do giảm 150 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 26.750 VND/USD và 26.850 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Tuần từ 22/12 - 26/12, lãi suất VND LNH tăng – giảm mạnh qua các phiên. Kết thúc ngày 26/12, lãi suất VND LNH giao dịch ở mức: ON 4,30% (-1,40 đpt); 1W 8,55% (+2,40 đpt); 2W 8,73% (+1,23 đpt); 1M 7,60% (+0,20 đpt). Lãi suất USD LNH tăng – giảm đan xen qua các phiên ở tất cả các kỳ hạn. Chốt phiên 26/12, lãi suất USD LNH giao dịch tại: ON 3,69% (+0,01 đpt); 1W 3,76% (+0,02 đpt); 2W 3,81% (+0,04 đpt) và 1M 3,85% (+0,01 đpt).
- Thị trường mở:** Trên thị trường mở tuần qua từ 22/12 - 26/12, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu 95.000 tỷ đồng với các kỳ hạn 7 ngày, 14 ngày, 28 ngày và 91 ngày, lãi suất duy trì ở mức 4,5%. Có 65.104,78 tỷ đồng trúng thầu. Có 58.975,53 tỷ đồng đáo hạn trên kênh cầm cố. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN trong tuần qua. Như vậy, tuần qua, NHNN bơm ròng 6.129,25 tỷ đồng ra thị trường qua kênh thị trường mở. Có 381.451,32 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.
- Thị trường trái phiếu:** Phiên 24/12, KBNN đấu thầu thành công 13.240 tỷ đồng/17.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu, tương đương tỷ lệ trúng thầu đạt 78%. Trong đó, kỳ hạn 5Y huy động được 1.300 tỷ đồng/1.500 tỷ đồng gọi thầu, kỳ hạn 10Y huy động được 11.920 tỷ đồng/14.000 tỷ đồng gọi thầu và kỳ hạn 30Y huy động được 20 tỷ đồng/500 tỷ đồng gọi thầu. Kỳ hạn 15Y gọi thầu 1.000 tỷ đồng, tuy nhiên, không có khối lượng trúng thầu. Lãi suất trúng thầu ở kỳ hạn 5Y là 3,20% (+0,02 đpt), kỳ hạn 10Y là 4,0% (+0,04 đpt), kỳ hạn 30Y là 4,10% (+0,21 đpt). Ngày 30/12, KBNN dự kiến chào thầu 17.000 tỷ đồng TPCP, trong đó kỳ hạn 5Y chào thầu 1.500 tỷ đồng, kỳ hạn 10Y chào thầu 14.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15Y chào thầu 1.000 tỷ đồng và kỳ hạn 30Y chào thầu 500 tỷ đồng. Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua đạt trung bình 11.243 tỷ đồng/phiên, giảm so với mức 13.042 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó. Lợi suất TPCP trong tuần qua tăng ở các kỳ hạn từ 5Y trở lên trong khi giảm nhẹ ở các kỳ hạn còn lại. Chốt phiên 26/12, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1Y 2,91% (-0,004 đpt so với phiên cuối tuần trước đó); 2Y 2,97% (-0,004 đpt); 3Y 3,02% (-0,004 đpt); 5Y 3,24% (+0,01 đpt); 7Y 3,50% (+0,003 đpt); 10Y 4,03% (+0,02 đpt); 15Y 4,10% (+0,02 đpt); 30Y 4,15% (+0,01 đpt).

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

TTCK Mỹ có hiệu suất thấp hơn trong năm 2025

US stocks have lagged global markets this year

Percentage point difference in performance of US stocks vs. rest of world



Using S&P 500 and MSCI All Country World ex-US index

Source: LSEG via markets.ft.com

Chu kỳ kinh tế Việt Nam 2025 - 2035

Rotating Through Credit Cycles - Vietnam (2025-2035)

We adapt to evolving credit conditions



TTCK MỸ

Giai đoạn thanh khoản thấp cuối năm

ORCALE liệu có tạo đáy với mô hình trần nhà cũ là sàn nhà mới ?



AAPL luôn phục hồi ấn tượng tại SMA(200) trên đồ thị tuần



SNAP thiết lập mô hình Bullsish Falling Wedge – Tín hiệu tăng trở lại ?



Nasdaq cần chỉnh chút trước khi có Break out ?



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ giảm điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

